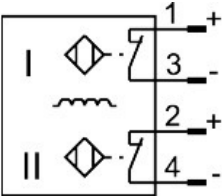


# Hộp công tắc giới hạn SRBG-C1-N-20N-ZC-M12-EX5

Số bộ phận: 3568057

FESTO



## Bảng dữ liệu

| Đặc tính                                        | Giá trị                                                                                                                                                                 |
|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Thiết kế                                        | gốc                                                                                                                                                                     |
| Dựa trên tiêu chuẩn                             | EN 60947-5-6<br>VDI/VDE 3845                                                                                                                                            |
| Giấy phép                                       | Dấu RCM<br>c UL us (OL)                                                                                                                                                 |
| Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)             | theo chỉ thị EMC của EU<br>theo chỉ thị chống cháy nổ của EU (ATEX)<br>theo chỉ thị RoHS của EU                                                                         |
| Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)           | theo quy định UK cho EMV<br>theo quy định UK EX<br>theo các quy định UK RoHS                                                                                            |
| Chống cháy nổ                                   | Vùng 0 (ATEX)<br>Vùng 0 (CN)<br>Vùng 0 (UKEX)<br>Vùng 1 (ATEX)<br>Vùng 2 (ATEX)<br>Vùng 20 (ATEX)<br>Vùng 20 (CN)<br>Vùng 20 (UKEX)<br>Vùng 21 (ATEX)<br>Vùng 22 (ATEX) |
| Danh mục ATEX Khí                               | II 1G                                                                                                                                                                   |
| Loại chống cháy nổ Khí                          | Ex ia IIC T6...T1 Ga                                                                                                                                                    |
| Danh mục ATEX Bụi                               | II 1D                                                                                                                                                                   |
| Loại chống cháy nổ Bụi                          | Ex ia IIIC T200 135°C Da                                                                                                                                                |
| Phê duyệt bảo vệ Ex bên ngoài Liên minh Châu Âu | EPL Da (CN)<br>EPL Da (GB)<br>EPL Ga (CN)<br>EPL Ga (GB)                                                                                                                |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh ngoài            | xem chứng nhận ATEX<br>xem chứng nhận IECEx                                                                                                                             |
| Cảm ứng bên trong hiệu dụng Li                  | 100 µH                                                                                                                                                                  |
| công suất bên trong hiệu quả Ci                 | 100 nF                                                                                                                                                                  |
| Thông số đầu vào tối đa về mạch điện an toàn    | xem chứng nhận IECEx<br>xem chứng nhận ATEX                                                                                                                             |

| Đặc tính                           | Giá trị                                                                              |
|------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|
| Cơ quan cấp chứng chỉ              | 2020322315003530<br>CML22UKEX2263X                                                   |
| Ghi chú vật liệu                   | Tuân thủ RoHS                                                                        |
| Safety Integrity Level (SIL)       | SIL 2                                                                                |
| Nguyên tắc đo lường                | cảm ứng                                                                              |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh     | -25 °C...100 °C                                                                      |
| Đầu ra chuyển mạch                 | NAMUR                                                                                |
| Chức năng phần tử chuyển mạch      | Cơ cấu mở                                                                            |
| Tần số chuyển mạch tối đa          | 3000 Hz                                                                              |
| Dòng điện đầu ra tối đa DC         | 3 mA                                                                                 |
| Chống chịu ngắn mạch               | có                                                                                   |
| Dải điện áp hoạt động DC           | 8.2 V                                                                                |
| Chống phân cực                     | cho tất cả các kết nối điện                                                          |
| Cổng nối điện đầu vào              | M12x1                                                                                |
| Cổng nối điện 1, kiểu kết nối      | Giắc cắm                                                                             |
| Cổng nối điện 1, đầu ra cáp        | thẳng                                                                                |
| Cổng nối điện 1, thiết kế          | tròn                                                                                 |
| Cổng nối điện 1, công nghệ kết nối | M12x1 được mã hóa A theo EN 61076-2-101                                              |
| Cổng nối điện 1, số chân cắm/dây   | 4                                                                                    |
| Kiểu gắn                           | bắt vít                                                                              |
| Vị trí lắp đặt                     | bất kì                                                                               |
| trọng lượng sản phẩm               | 70 g                                                                                 |
| Vật liệu vỏ                        | PBT                                                                                  |
| Vật liệu vít                       | thép hợp kim cao không gỉ                                                            |
| Kết nối vít vật liệu               | Kẽm đúc áp lực, mạ niken                                                             |
| Hiển thị trạng thái chuyển mạch    | Đèn LED màu vàng                                                                     |
| Nhiệt độ bảo quản                  | -40 °C...100 °C                                                                      |
| Mức độ bảo vệ                      | IP67                                                                                 |
| chống sốc                          | Kiểm tra va đập với mức độ nghiêm trọng 2 theo FN 942017-5 và EN 60068-2-27          |
| Khả năng chống rung                | Kiểm tra bộ gá vận chuyển với mức độ nghiêm trọng 2 theo FN 942017-4 và EN 60068-2-6 |
| Tuân thủ LABS                      | VDMA24364 Vùng III                                                                   |
| mức độ ô nhiễm                     | 3                                                                                    |